

Số: 770/QĐ-UBND

Tiên Lũ, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh sách và kinh phí
hỗ trợ tiền điện hộ nghèo quý III năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIỀN LŨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Quyết định 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

Căn cứ Thông báo số 193/TB-UBND ngày 18/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 4066/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND huyện Tiên Lũ về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo năm 2024 theo tiêu chuẩn đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại tờ trình số 156/TTr-KT ngày 26/9/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo quý III năm 2025 trên địa bàn xã, như sau:

Tổng số hộ nghèo: 47 hộ; Số tiền đề nghị hỗ trợ: 9.066.300 đồng (Chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm đồng)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao các thôn. Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội xã thực hiện công khai danh sách và kinh phí hỗ trợ tiền điện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính; Văn phòng HĐND và UBND xã thực hiện chi trả đến đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, các ông (bà) Trưởng thôn và đối tượng có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

KT. CHỦ TỊCH



Trần Văn Hạnh



Danh sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo quý III/2025
(Kèm theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND xã Tiên Lữ)

STT	Họ và tên	Thôn	Hỗ trợ tiền điện quý III/2025 (đồng)			
			Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tổng
1	Đoàn Thị Tâm	Toàn Tiên	64.300	64.300	64.300	192.900
2	Trần Duy Phúc	Toàn Tiên	64.300	64.300	64.300	192.900
3	Đào Thị Tâm	Diệt Pháp	64.300	64.300	64.300	192.900
4	Trần Thị Huê	Diệt Pháp	64.300	64.300	64.300	192.900
5	Bùi Thị Áo	Diệt Pháp	64.300	64.300	64.300	192.900
6	Phạm Văn Ánh	Diệt Pháp	64.300	64.300	64.300	192.900
7	Đào Thị Mỹ	Diệt Pháp	64.300	64.300	64.300	192.900
8	Ứng Thị Bích	Lam Sơn	64.300	64.300	64.300	192.900
9	Đào Văn Hưng	Lam Sơn	64.300	64.300	64.300	192.900
10	Đào Phương Nam	Lam Sơn	64.300	64.300	64.300	192.900
11	Đào Văn Cử	Lam Sơn	64.300	64.300	64.300	192.900
12	Ninh Thị Cự	Lam Sơn	64.300	64.300	64.300	192.900
13	Ngô Văn Quý	Tân Khai	64.300	64.300	64.300	192.900
14	Đặng Thị Tuyết	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
15	Trần Văn Luyến	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
16	Bùi Thị Thanh Thủy	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
17	Trần Thị Yến	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
18	Ngô Văn Dinh	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
19	Ngô Thị Liên	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
20	Bùi Thị Phúc	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
21	Ngô Thị Hiền	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
22	Đỗ Thị Bé Ngoan	Thụy Lôi	64.300	64.300	64.300	192.900
23	Phạm Công Tôn	Lệ Chi	64.300	64.300	64.300	192.900
24	Ngô Thị Nhung	Lệ Chi	64.300	64.300	64.300	192.900
25	Vũ Thị Chur	Lệ Chi	64.300	64.300	64.300	192.900

STT	Họ và tên	Thôn	Hỗ trợ tiền điện quý III/2025 (đồng)			
			Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tổng
26	Nguyễn Thị Thanh	Lệ Chi	64.300	64.300	64.300	192.900
27	Vũ Thị Thìn	Lệ Chi	64.300	64.300	64.300	192.900
28	Nguyễn Tiến Sang	Thụy Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
29	Nguyễn Hữu Khỏe	Thụy Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
30	Nguyễn Thị Nhung	Thụy Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
31	Phạm Quyết Thắng	Chi Thiện	64.300	64.300	64.300	192.900
32	Nguyễn Thị Lan Anh	Lương Trự	64.300	64.300	64.300	192.900
33	Bùi Văn Lương	Lương Trự	64.300	64.300	64.300	192.900
34	Đoàn Tự Khởi	Lạc Dục	64.300	64.300	64.300	192.900
35	Vũ Xuân Hiếu	Lạc Dục	64.300	64.300	64.300	192.900
36	Nguyễn Thị Thơm	An Lạc	64.300	64.300	64.300	192.900
37	Vũ Thị Biên	An Lạc	64.300	64.300	64.300	192.900
38	Nguyễn Hữu Dân	An Lạc	64.300	64.300	64.300	192.900
39	Vũ Thị Tho	Triều Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
40	Nguyễn Thị Gạo	Triều Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
41	Vũ Thị Xa	Triều Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
42	Lê Thị Lựu	Triều Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
43	Nguyễn Thị Xu	Triều Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
44	Đoàn Thị Phóng	Triều Dương	64.300	64.300	64.300	192.900
45	Chu Thị Bút	Hải Yến	64.300	64.300	64.300	192.900
46	Đoàn Văn Hưng	Hải Yến	64.300	64.300	64.300	192.900
47	Nguyễn Văn Sỹ	Hải Yến	64.300	64.300	64.300	192.900
	Tổng					9.066.300